

Số: **683** /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày **30** tháng 03 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch thu, chi năm 2012
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03/01/2008; Nghị định 75/2009/NĐ-CP, ngày 10/09/2009 của Chính phủ, sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ: Nghị định số 05/2008/NĐ-CP, ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ, về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng; Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ, về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 114/2008/QĐ-BNN, ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 128/2008/QĐ-BNN, ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam;

Căn cứ kết luận tại Biên bản họp Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam lần thứ 3 được tổ chức vào ngày 17/01/2012;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam tại văn bản số 35/VNFF-BĐH, ngày 23/3/2012;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thu, chi năm 2012 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (VNFF) với các nội dung cụ thể như sau:

- Tổng thu: 500.988.937.920 đồng;
- Tổng chi: 499.488.937.920 đồng.

(Chi tiết nội dung theo biểu đính kèm)

Điều 2. Giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (VNFF):

1. Căn cứ số tiền thực thu thông qua hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng với các đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng; Căn cứ kết quả xác định diện tích lưu vực của từng tỉnh do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn công bố, phê duyệt kế hoạch chi tiết tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2012 cho từng tỉnh và chuyển tiền cho Quỹ bảo vệ và phát triển rừng các tỉnh trên cơ sở kế hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

2. Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP, ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Quỹ bảo vệ và phát triển rừng các tỉnh có trách nhiệm chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đến từng chủ rừng nhận giao khoán bảo vệ rừng; thực hiện chế độ báo cáo gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ, về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

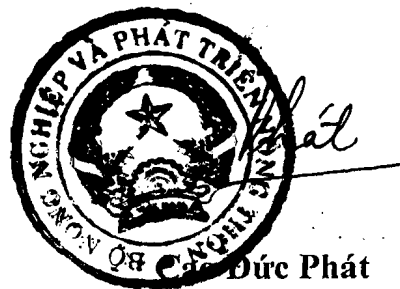
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ bảo vệ và phát triển rừng các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: TC, KH&ĐT;
- Hội đồng quản lý VNFF;
- Ban Kiểm soát VNFF;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Vụ Tài chính;
- Lưu: VT, TCLN.





Phụ biểu 01 **CHƯƠNG TRÌNH DOANH THU TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**
(Kèm theo Quyết định số: **100/2012/QĐ-BNN-TCLN** ngày **30/3/2012** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐIỆN:

STT	Tên đơn vị	Ước sản lượng điện (kw)	Ước tiền MTR (đồng)		Ghi chú
			Số tiền	Làm tròn số	
1	Công ty Thủy điện Hòa Bình	6.295.138.212	125.902.764.240	125.902.764.000	Có tờ khai 2011
2	Công ty Thủy điện Trị An	1.537.147.108	30.742.942.160	30.742.942.000	Theo EVN 2011
3	Công ty Thủy điện IALY	5.576.394.940	111.527.898.800	111.527.899.000	Theo EVN 2011
4	Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	1.644.614.319	32.892.286.380	32.892.286.000	Theo EVN 2011
5	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.590.153.460	51.803.069.200	51.803.069.000	Theo EVN 2011
6	Công ty Thủy điện Sơn La	5.022.412.540	100.448.250.800	100.448.251.000	Theo EVN 2011
7	Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.245.922.917	24.918.458.340	24.918.458.000	Có tờ khai 2011
8	Công ty Thủy điện Đồng Nai	311.710.200	6.234.204.000	6.234.204.000	Theo EVN 2011
	Tổng cộng (đồng)	24.223.493.696	484.469.873.920	484.469.874.000	

II. ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH:

STT	Tên đơn vị	Ước sản lượng nước (m3)	Ước tiền MTR (đồng)		Ghi chú
			Số tiền	Làm tròn số	
1	Công ty Cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	756.600	30.264.000	30.264.000	Có tờ khai 2012
2	Công ty TNHH một thành viên cấp nước Đồng Nai	53.000.000	2.120.000.000	2.120.000.000	Có tờ khai 2012
3	Tổng công ty cấp nước Sài Gòn - TNHH một thành viên	321.720.000	12.868.800.000	12.868.800.000	Có tờ khai 2012
	Tổng cộng (đồng)	375.476.600	15.019.064.000	15.019.064.000	

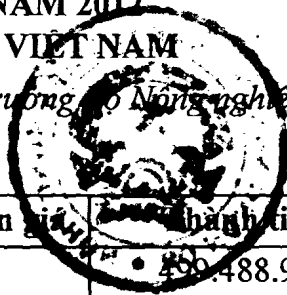
Ghi chú:

- Riêng số của các Công ty Thủy điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) thường năm nay nộp cho năm trước; số kế hoạch năm 2012 lấy theo số báo cáo của EVN năm 2011.

**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THU, CHI NĂM 2012
CỦA QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM**

(Kèm theo Quyết định số:

683 /QĐ-BNN-TCLN ngày **30/3/2012** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



LÀN THU

Nguồn thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
Thu ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng				496.991.493.230	
Thu từ Cơ sở sản xuất Thủy điện	kw	24.223.493.696	20	484.469.873.920	Phụ biểu 01
Thu từ Cơ sở sản xuất nước sạch	m ³	375.476.600	40	15.019.064.000	Phụ biểu 01
Thu lãi tiền gửi	Tạm tính			1.500.000.000	
Thu khác					
Tổng cộng				500.988.937.920	

LÀN CHI

Nội dung chi	Cách tính	Thành tiền	Ghi chú
Chuyển trả tiền ủy thác DVMTR cho các tỉnh	Thu ủy thác x 99,5%	496.991.493.230	
Chi quản lý tại Quỹ Trung ương	Thu ủy thác x 0,5%	2.497.444.690	Bộ duyệt DT chi tiết
Hỗ trợ các chương trình, dự án và phi dự án			
Chi khác			
Tổng cộng		499.488.937.920	

ú:

Chuyển trả tiền ủy thác DVMTR cho các tỉnh được tính bằng 99,5% phần thu ủy thác do các cơ sở sử dụng DVMTR chuyển về VNFF;
Số tiền chuyển cho từng tỉnh sẽ được tính toán phân bổ dựa trên kết quả của Dự án xác định diện tích rừng trong lưu vực thuộc hai tỉnh trở lên được phê duyệt theo Quyết định số 69/QĐ-TCLN-KHTC, ngày 01/03/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp.
Chi quản lý của Quỹ Trung ương được tính tối đa bằng 0,5% phần thu ủy thác do các cơ sở sử dụng DVMTR chuyển về VNFF;
Khoản lãi tiền gửi tạm tính với điều kiện các đơn vị sử dụng DVMTR chuyển trả đủ tiền theo kế hoạch. Khoản tiền lãi 1,5 tỷ sẽ được đề xuất sử dụng vào năm 2013 nhằm hỗ trợ cho các chương trình, dự án và hoạt động phi dự án dựa trên các ưu tiên của Bộ và Tổng cục Lâm nghiệp.